

Bản án số: **170/2020/HSST**
Ngày: 04 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Trần Thị Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy D - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Đang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 184/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Phan Quốc D, sinh năm 1987 tại tỉnh Vĩnh Long.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở: 142 Khu 10B, thị trấn A, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Quốc V (sinh năm 1963) và bà Hồ Thị Út E (sinh năm 1965); chưa có vợ, có 2 người con sinh năm 2014.

Tiền án: ngày 18/8/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 09 năm tù theo bản án số 60/2006/HSST. Bị cáo kháng cáo, ngày 19/10/2006 Tòa án nhân dân Tối cao, tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo bản án số 1613/2006/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/3/2013, thi hành xong các khoản án phí phúc thẩm ngày 29/5/2007.

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 23/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 25/2015/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2018, thi hành xong các khoản án phí ngày 09/10/2017.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 04/6/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Huyền T**, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện E, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoản 02 giờ 00 ngày 04/6/2020, Công an xã F, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với tổ tuần tra 363 Công an huyện Bình Chánh đi tuần tra đến trước địa chỉ 1A172/1 ấp 1, xã F, huyện G thì phát hiện Phan Quốc D đang điều khiển xe mô tô biển số 62T2-007.30 chở theo Lê Huyền T có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra lực lượng công an phát hiện bên trong túi quần bên phải phía sau của D đang mặc có 01 bóp da, bên trong có chứa 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, D khai nhận là ma túy tổng hợp của D cất giữ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân nên công an huyện Bình Chánh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh để điều tra.

Qua test ma túy cho thấy D có sử dụng ma túy.

D là người nghiện ma túy, nguồn gốc ma túy bị công an huyện Bình Chánh thu giữ vào ngày 04/6/2020 là do D mua của một người đàn ông không rõ lại lịch tên thường gọi là P1 tại khu vực cầu I đường J thuộc xã F, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 500.000 đồng. Sau đó, D cất gói ma túy mua được vào trong bóp da bỏ vào trong túi quần bên phải phía sau D đang mặc và điều khiển xe mô tô biển số 62T2-007.30 chở Lê Huyền T từ cầu I đường J thuộc xã F, huyện G, hướng về huyện L, tỉnh Long An. Khi đi đến nhà 1A172/1 ấp 1, xã F, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị kiểm tra phát hiện bắt giữ. Gói ma túy do D tự bỏ tiền tra mua, khi đi mua ma túy D có chở Lê Huyền T (là người chung sống như vợ chồng với D nhưng không đăng ký kết hôn), D không có nói có T biết việc mình đi mua ma túy. T cũng không chứng kiến việc D mua ma túy và cất giữ ma túy trong người. Mục đích D cất giữ số ma túy trên là để sử dụng cho bản thân, không sử dụng vào mục đích khác.

Tại bản Kết luận giám định số 946/KLGD-H ngày 12/6/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu chứa trong gói nylon, được niêm phong ký hiệu mẫu m cần giám định là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,5720 gram (không phẩy năm bảy hai không gram), loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) gói niêm phong bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, đã giám định có khối lượng 0,5720 gram loại Methamphetamine.
- 01 bóp da màu nâu.
- 01 điện thoại di động hiệu Mastel màu đen
- 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen số Imei 355802100315183
- 01 xe mô tô biển số 62T2-007.30 số máy LC150FMG01782098, số khung FL8010687;
- 01 thẻ ATM Agribank số 9704050847137424 bên ngoài mang tên Phan Quốc D;

Cáo trạng số 184/CT-VKS ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phan Quốc D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Quốc D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Quốc D khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Quốc D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do công an xã F, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh lập lúc 02 giờ 15 phút ngày 04/6/2020 cùng các chứng cứ, tài liệu, tang vật có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, vì muốn có ma túy sử dụng nên ngày 04/6/2020 bị cáo mua của người đàn ông (chưa rõ lai lịch) ma túy về để sử dụng thì bị bắt quả tang. Số lượng ma túy bị cáo tàng trữ bị bắt, thông qua kết quả giám định có tổng trọng lượng 0,5720 gram ma túy, loại Methamphetamine. Số lượng ma túy này bị cáo khai tàng trữ để sử dụng, hành vi của bị cáo Phan Quốc D đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Chính vì vậy mà nhà nước ta đã nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Những người có hành vi vi phạm, tùy tính chất, mức độ đều bị xử lý bằng pháp luật hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: bị cáo đã đủ tuổi trưởng thành, nhận thức được ma túy là chất độc hại, một loại hàng đặc biệt nhà nước độc quyền quản lý, bất kỳ ai vi phạm đến ma túy, tùy tính chất mức độ đều bị xử lý bằng pháp luật hình sự. Song vì muốn có ma túy thỏa mãn cơn nghiện, không tuân thủ pháp luật nên bị cáo đã dẫn thân vào con đường phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này. Hội đồng xét xử cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội; đồng thời buộc bị cáo nộp phạt bổ sung một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét nhân thân bị cáo: bị cáo đã 02 lần bị xét xử về hành vi phạm tội, cụ thể: ngày 18/8/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 09 năm tù theo bản án số 60/2006/HSST. Bị cáo kháng cáo, ngày 19/10/2006 Tòa án nhân dân Tối cao, tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo bản án số 1613/2006/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/3/2013, thi hành xong các khoản án phí phúc thẩm ngày 29/5/2007. Và ngày 23/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 25/2015/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2018, thi hành xong các khoản án phí ngày 09/10/2017. Tính đến ngày phạm tội (02/6/2020) thì bị cáo đã được xóa án tích đối với lần phạm tội bị xử phạt theo bản án 25/2015/HSST ngày 23/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[5] Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì thời hạn xóa án tích của bản án số 1613/2006/HSPT ngày 19/10/2006 Tòa án nhân dân Tối cao, tại Thành phố Hồ Chí Minh được tính lại tính từ 18/01/2018. Do đó lần phạm tội này bị cáo được xác định là tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội

đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Đối với người bán ma túy cho bị cáo là đối tượng không rõ lai lịch nên không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[8] Đối với Lê Huyền T: T chung sống như vợ chồng với D nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 04/6/2020 T từ Vĩnh Long lên Thành phố Hồ Chí Minh gặp D. D chở T đi tìm chỗ ở và công việc nhưng không nói cụ thể là đi đâu. T có nghiện ma túy nhưng không sử dụng ma túy chung với D, ngày 04/6/2020 T không biết D có đi mua ma túy và cất giữ ma túy trong người, T không có liên quan gì đến việc tàng trữ ma túy của D. Lời khai của T phù hợp với lời khai của D nên không có căn cứ xác định T có liên quan đến hành vi tàng trữ trái pháp chất ma túy của D.

[9] Về vật chứng vụ án:

[10] 01 gói niêm phong bên trong gói nylon hàn kín chứa tinh thể rắn không màu, qua giám định là Methamphetamine có khối lượng 0,5720 gram (hiện để trong một gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 946/20 Bình Chánh có chữ ký ghi tên Phan Quốc D, và hình dấu Công an xã F), xét đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành và không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] 01 (một) bóp da màu nâu. Đây là tài sản của bị cáo dùng khi thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] 01 điện thoại di động hiệu Mastel màu đen, là tài sản của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] 01 xe mô tô biển số 62T2-007.30 số máy LC150FMG01782098, số khung FL8010687. Qua xác minh, chiếc xe mô tô này do ông Nguyễn Huỳnh Quang Đ đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2006 ông Đ đã bán xe này cho người khác (không nhớ nhân thân lai lịch) nhưng không làm giấy mua bán. Ông Đ xác nhận không yêu cầu nhận lại xe. D khai nhận mua xe này từ một người bạn ở tỉnh Long An nhưng không có làm giấy mua bán xe và không lấy giấy đăng ký xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng không có chủ sở hữu liên hệ làm việc. Bị cáo dùng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[14] 01 thẻ ATM Agribank số 9704050847137424 bên ngoài mang tên Phan Quốc D, là tài sản của bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho bị cáo.

[15] 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đen số Imei 355802100315183 là tài sản của Lê Huyền T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho chị T.

[16] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo và chấp nhận đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[18] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 và khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015,

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Phan Quốc D 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2020.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên trong gói nylon hàn kín chứa tinh thể rắn không màu, qua giám định là Methamphetamine có khối lượng 0,5720 gram (hiện để trong một gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 946/20 Bình Chánh có chữ ký ghi tên Phan Quốc D và hình dấu Công an xã F) và 01 (một) bốp da màu nâu.

- Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mastel màu đen và 01 (một) xe mô tô biển số 62T2-007.30 số máy LC150FMG01782098, số khung FL8010687.

- Giao trả cho bị cáo Phan Quốc D: 01 (một) thẻ ATM Agribank số 9704050847137424 bên ngoài mang tên Phan Quốc D

- Giao trả cho Lê Huyền T: 01 điện thoại di động hiệu ITEL màu đen số Imei 355802100315183.

(Tất cả vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/9/2020 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Lê Huyền T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ nhận nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (1)
- VKSND huyện Bình Chánh; (2)
- CA huyện Bình Chánh; (2)
- Chi cục THADS H. Bình Chánh; (2)
- PV 06 - Công an TPHCM; (1)
- Sở tư pháp TPHCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Lưu; (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Duy Linh